

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/HS-ST

Ngày: 17 - 6 -2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Đình Tú;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thanh Nhân; ông Nguyễn Tuyết;

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Duy Toàn - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Vương Khả Nhật Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST - HS, ngày 04 tháng 6 năm 2021, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Trần Phúc L**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1980; tại: Lâm Đồng; giới tính: Nam; NĐKNKTT và cư trú: Tổ M, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: Làm vườn; con ông: Trần Văn B (đã chết) và bà: Vũ Thị H (đã chết); vợ: Trần Thị Hồng Nh, sinh năm 1985, (hiện không xác định được nơi cư trú) và có 02 người con, sinh năm 2007 và năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 23/12/2020 cho đến nay, có mặt

2/ Họ và tên: **Trần Nam Đ**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1989; tại: Lâm Đồng; giới tính: Nam; NĐKNKTT và cư trú: Số K đường T, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; trình độ văn hóa: 06/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Trần Kim Q và bà: Nguyễn Thị Ng; vợ: Lê Thị V, sinh năm 1991 (đã ly hôn); chưa có con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 25/02/2008, Đ bị Công an phường Lộc Phát, TP. B xử phạt 150.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 561- QĐ/XPVPHC, (đã nộp phạt).

Ngày 15/01/2013, Đ bị Công an TP. B xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh nhau theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC. Bị cáo chưa nộp phạt nhưng Công an Tp.B không áp dụng bất kỳ biện pháp cưỡng chế nào buộc bị cáo chấp hành quyết định xử phạt. Do đó tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại

điều 7, điều 73, điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính. Bị tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến nay, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 16 giờ ngày 23/12/2020, Đội CSĐTTP về ma túy Công an Tp.B phối hợp với Công an phường L, TP. B tiến hành kiểm tra hành chính nhà của Trần Nam Đ, tại địa chỉ số K đường T, phường L, TP. B. Tại thời điểm kiểm tra, Đ đang ở trong phòng ngủ cùng với Trần Phúc L. Cơ quan điều tra phát hiện trong túi quần phía trước bên trái mà Đ đang mặc có 01 gói nilon màu trắng kích thước (03 x 03)cm có rãnh khếp kín bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng, Đ khai nhận là chất ma túy của Đ tàng trữ nhằm mục đích để sử dụng (Mẫu M1). Quá trình làm việc, Đ giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 gói nilon màu trắng hàn kín kích thước (01 x 1,5)cm bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng đang để tại nệm trên giường trong phòng ngủ của Đ, Đ khai nhận là chất ma túy tàng trữ để sử dụng (Mẫu M3). Cũng tại thời điểm kiểm tra, Trần Phúc L tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 gói nilon màu trắng kích thước (04 x 07)cm có rãnh khếp kín bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng mà L khai nhận là ma túy tàng trữ nhằm mục đích để sử dụng (Mẫu M2). Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Nam Đ, Trần Phúc L và lập biên bản thu giữ, niêm phong 03 gói nilon bên trong chứa các hạt tinh thể rắn (nghĩ là chất ma túy) vào các phong bì ký hiệu M1, M2, M3.

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Trần Nam Đ và Trần Phúc L khai nhận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 20/12/2020, L đến khu vực Cầu N trên đường N, phường L, TP. B mua được 01 gói nilon kích thước (03 x 03)cm chứa ma túy từ 01 đối tượng tên Tr (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 5.500.000 đồng mang về nhà cất giấu sử dụng và tách ra thêm một lượng nhỏ vào 01 gói nilon kích thước (03 x 03)cm. Đến sáng ngày 21/12/2020, Đ đến nhà của L tại phường L, TP. B mua gói nilon kích thước (03 x 03)cm chứa phần lớn ma túy nêu trên với giá 1.700.000 đồng nhưng mới trả trước 1.000.000 đồng, rồi Đ mang về nhà sử dụng và đựng phần ma túy còn lại vào 01 gói nilon kích thước (01 x 1,5)cm, để trên nệm trong phòng ngủ (Mẫu M3). Vào sáng ngày 23/12/2020, Đ đến nhà L và được L cho 01 gói nilon màu trắng kích thước (03 x 03)cm bên trong chứa ma túy đá, Đ cất giấu vào túi quần bên trái (Mẫu M1). Cũng trong ngày 23/12/2020, L nhờ Đ tìm mua khoảng 10gam ma túy đá giúp L thì Đ nói mua giúp với giá 6.000.000 đồng, L đưa trước cho Đ 3.000.000 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng là số tiền L đã bán ma túy cho Đ) và hẹn khi có ma túy sẽ đưa nốt số tiền còn lại. Đ liên hệ với 01 đối tượng tên X (chưa rõ nhân thân lai lịch) đến nhà Đ và đưa trước cho X số tiền 3.000.000 đồng nhưng X yêu cầu đưa thêm 3.000.000 đồng mới giao ma túy. Đ nói cho L biết phải đưa thêm số tiền 3.000.000 đồng thì mới nhận được ma túy. Đến khoảng 15 giờ cùng

ngày, X đến nhà Đ gặp Đ và L nhận thêm 3.000.000 đồng rồi giao 01 gói nilon màu trắng kích thước (04 x 07)cm chứa ma túy rồi bỏ đi (**Mẫu M2**). L lấy gói ma túy mua từ X cất xuống khe nệm thứ hai trong phòng ngủ. Sau đó, Đ và L đang nói chuyện ở trong phòng ngủ của Đ thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang như đã nêu ở trên.

Kết luận giám định số 2188 ngày 29/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định:

Mẫu tinh thể đựng trong một gói nilon (ký hiệu M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,1459g loại Methamphetamine

Mẫu tinh thể đựng trong một gói nilon (ký hiệu M2) được niêm phong gửi giám định là ma túy có khối lượng 9,7086g loại Methamphetamine

Mẫu tinh thể đựng trong một gói nilon (ký hiệu M3) được niêm phong gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,0350g loại Methamphetamine

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đang tạm giữ 02 phong bì niêm phong số 2188/2020/PC09 đựng số ma túy thu giữ được sau giám định.

Tại bản Cáo trạng số 91/CT-VKSBL, ngày 06 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Trần Phúc L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Trần Phúc L và Trần Nam Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo L từ 02 đến 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; từ 06 đến 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 08 đến 10 năm tù. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đ từ 06 đến 07 năm tù và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì niêm phong số 2188/2020/PC09. Buộc các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo khai nhận, đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nêu, không thắc mắc, khiếu nại gì về nội dung Cáo trạng, thấy đúng với tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố B; của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; tại phiên tòa các bị cáo không thắc mắc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đúng qui định của pháp luật.

[2] Về căn cứ xác định tội: Trần Phúc L đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Trần Nam Đ với khối lượng là 0,0350 gam ma túy. Ngoài ra L đã có hành vi tàng trữ 9,7086 gam ma túy mục đích để sử dụng và đồng phạm với Đ thông qua hành vi cho Đ 0,1459 gam ma túy để Đ sử dụng. Đối với Trần Nam Đ đã có hành vi tàng trữ 0,1809g (0,0350g + 0,1459g) ma túy để sử dụng và đồng phạm với L thông qua hành vi giúp L mua 9,7086 gam ma túy để sử dụng. Loại ma túy mà các bị cáo tàng trữ, mua bán là Methamphetamine. Đối chiếu lời khai của các bị cáo, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo L đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 và điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Đ đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Về tính chất mức độ, hậu quả hành của vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, góp phần làm gia tăng các tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố B. Vì vậy, cần áp dụng cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Đ tuy không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Xét cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hiện tội phạm một cách tích cực. Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo Đ tàng trữ khối lượng nhiều hơn bị cáo L nên áp dụng hình phạt đối với bị cáo Đ cao hơn bị cáo L về tội này.

[6] Đối với đối tượng Tr và X đã bán ma túy cho L và Đ, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của các đối tượng này nên Cơ quan điều tra tách ra xử lý sau, khi có căn cứ sẽ giải quyết theo quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: 02 phong bì niêm phong số 2188/2020/PC09, xét không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Phúc L** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo **Trần Nam Đ** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 và Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Trần Phúc L** 03 (Ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 06 (Sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2020.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Trần Nam Đ** 07 (Bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong số 2188/2020/PC09.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/5/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B với Chi cục thi hành án dân sự thành phố B).*

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về án phí, lệ phí tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;
- VKSND TP B;
- Công an TP. B
- Nhà tạm giữ;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự tp B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Tú**

Vào hồi giờ ngày 17 tháng 6 năm 2021;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng;  
*Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Đình Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thanh Nhân; ông Nguyễn Tuyết;

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 đối với: Bị cáo Trần Phúc L, sinh năm 1980; tại: Lâm Đồng; Trần Năm Đ, sinh năm 1989; tại Lâm Đồng.

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN,

### BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1/ Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo **Trần Phúc L** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo **Trần Nam Đ** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 và Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Trần Phúc L** 03 (Ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 06 (Sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2020.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Trần Nam Đ** 07 (Bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2020. Biểu quyết: 3/3.

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong số 2188/2020/PC09.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/5/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).* Biểu quyết: 3/3.

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về án phí, lệ phí tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Biểu quyết: 3/3.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo. Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút ngày 17 tháng 6 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

